

# Thực hành lễ hội dân gian ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Thị Phương Châu<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Văn hóa.  
Email: ngphuongchau@gmail.com

Nhận ngày 4 tháng 9 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2017.

**Tóm tắt:** Trong bức tranh văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa làng nói riêng, từ quá khứ đến hiện tại, lễ hội dân gian luôn là điểm nhấn quan trọng, là mảng màu đặc sắc thể hiện tập trung và đa dạng những nét tinh hoa văn hóa của cộng đồng. Cũng như nhiều hiện tượng văn hóa khác, lễ hội dân gian đã trải qua nhiều thăng trầm cùng với lịch sử dân tộc, có thời kỳ bị mờ nhạt, bị thay đổi hình thức, nội dung, thậm chí không ít lễ hội đã không còn được tổ chức nữa, song trong khoảng hơn hai thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến sự trở lại sôi nổi của những lễ hội dân gian và lễ hội dân gian trở thành nét văn hóa nổi bật trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại. Lễ hội dân gian (với những đặc điểm như sự phong phú, đa dạng, sự chùng xếp nhiều màu sắc văn hóa, nhiều hệ thống biểu tượng, sự hòa hợp, thăng hoa, sự hội tụ tính thiêng với tính nghệ thuật, tính nghi thức, với những giá trị như cố kết cộng đồng, hướng về nguồn cội, cân bằng đời sống tâm linh, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, thẩm mỹ, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc...) đã trở thành “thời điểm mạnh” trong cuộc sống cộng đồng [9].

**Từ khóa:** Lễ hội dân gian, văn hóa, cộng đồng, Việt Nam.

**Phân loại ngành:** Văn hóa học

**Abstract:** In the Vietnamese culture in general and its village culture in particular, from the past to the present, folk festivals have always been an important imprint expressing, in a focused and diverse manner, the cultural quintessence of the community. As with many other cultural phenomena, the festivals have gone through many ups and downs along with the history of the nation, fading in some periods, with their forms and contents changed, and some festivals were even no longer held. However, over the past two decades, one has witnessed the vibrant return of folk festivals, which has become a prominent feature of the modern Vietnamese cultural life.

Given their characteristics as richness, diversity, blend of various cultural colours, the many systems of symbols, harmony, sublimation, the convergence of the sacredness and art, the formality, and the values of community cohesion, heading towards one’s origin, the balance of the spiritual life, the creation and enjoyment of cultural and aesthetic values, and the preservation and promotion of national identity, etc., folk festivals have become “moments of sublimation” in the community life [9].

**Keywords:** Folk festival, culture, community, Vietnam.

**Subject classification:** Cultural studies

## 1. Mở đầu

Có lẽ chưa bao giờ lễ hội ở nước ta lại nở rộ như hiện nay và thuật ngữ lễ hội lại được nhắc đến nhiều như vậy trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các công trình nghiên cứu, trong các cuộc hội thảo, tọa đàm và cả trong đời sống của dân chúng. Lễ hội dân gian vốn là thuật ngữ được dùng để chỉ những lễ hội của dân chúng, trong đó phổ biến nhất là những lễ hội ở các làng quê do những người dân quê tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá và tín ngưỡng của họ. Chính vì vậy mà lễ hội dân gian còn được xem là hội làng và có thể gắn với nhiều tên gọi khác nữa như lễ hội làng, lễ hội truyền thống, hay lễ hội cổ truyền, dù những khái niệm này không hẳn là giống nhau hoàn toàn về nội hàm.

Có thể hiểu lễ hội dân gian là sản phẩm văn hóa của dân chúng của một cộng đồng (phổ biến là cộng đồng làng hay nhiều làng) cùng thờ một vị thần nào đó. Vào một thời gian nhất định trong năm, ở một địa điểm cụ thể, người ta tiến hành những nghi thức thờ phụng tập thể như tế, lễ, rước, sau đó là các hoạt động vui chơi, ăn uống cộng cảm nhằm cố kết cộng đồng, giải tỏa căng thẳng, củng cố niềm tin và sức mạnh cho mỗi thành viên.

Lễ hội dân gian ở mỗi vùng miền, mỗi tộc người có những sự khác nhau tạo nên một bức tranh lễ hội đa màu sắc của xã hội Việt Nam đương đại. Bài viết này phân tích

những đặc trưng thực hành lễ hội dân gian ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Sự phục hồi mạnh mẽ lễ hội dân gian

Từ đổi mới đến nay, lễ hội dân gian dần dần được khôi phục và “bùng nổ” mạnh mẽ và đó là cơ sở quan trọng làm hiện rõ xu hướng phục hồi lễ hội dân gian trong đời sống xã hội đương đại. Các tín ngưỡng, lễ hội gắn bó chặt chẽ với cuộc sống thường nhật của người dân và được tổ chức rộng rãi tại tất cả các địa phương, các vùng, miền trong cả nước, thu hút, tập hợp đông đảo rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

Theo thống kê của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch năm 2008, cả nước có 7.965 lễ hội trong đó có 7.039 lễ hội dân gian. Các nhà nghiên cứu, báo chí đã dùng nhiều thuật ngữ để chỉ giai đoạn sôi nổi này của lễ hội dân gian như: “phục hồi”, “phục hưng”, “trở lại mạnh mẽ”, “bùng nổ”, “bùng phát”... Chúng ta đang chứng kiến một thực tế là làng quê nào cũng tìm lại trong vốn văn hoá truyền thống của mình những yếu tố liên quan đến lễ hội để phục dựng lễ hội, để trình diễn nét đặc sắc văn hoá của mình. Nếu nơi nào lễ hội chưa bị đứt đoạn, mai một thì họ tiếp tục phát huy, nơi nào đã mai một thì phục dựng lại, có những địa phương, lễ hội đã lùi xa vào dĩ vãng, người dân cũng vẫn cố gắng phục dựng từ các nguồn tư liệu cổ, từ trí nhớ của những người già, thậm chí nhiều yếu tố được họ sáng tạo ra, du nhập mới về để thành lễ hội.

Việc phục hồi lễ hội mạnh mẽ hiện nay còn thể hiện ở việc các lễ hội được tổ chức ngày càng lớn, thu hút không chỉ người dân tại nơi có lễ hội mà còn từ rất nhiều nơi khác, ít lễ hội nào còn gói gọn trong phạm vi làng, nhiều lễ hội được tổ chức lớn trong phạm vi liên làng, vùng và quốc gia, như hội đền Hùng, hội đền Gióng, hội Phủ Giày, hội đền Đô, hội Lim... Hội làng (hay vùng) nào cũng được tổ chức lớn hơn trước, số tiền đầu tư cho việc tổ chức lễ hội ngày càng lớn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân chúng với sinh hoạt văn hoá tâm linh này. Ví như lễ hội đền Đô (làng Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh) mấy năm gần đây chỉ tới hơn 1 tỷ đồng, đám rước trong lễ hội này thường xuyên lên tới 8.000 người tham gia [15]; lễ hội cổ đô Hoa Lư năm 2008, riêng việc dựng chiếc cổng chào “Hoa Lư Môn” đã tốn 150.000.000đ [22]... Con số người đi dự hội cũng là một chỉ báo quan trọng cho sự tập nập của lễ hội hiện nay. Theo bài báo “cả nước náo nức hội xuân” [23] thì lượng khách về Yên Tử mùa hội năm 2009 đạt con số kỷ lục trên 10 vạn lượt người (từ mùng 1 đến 6 Tết Kỷ Sửu); lượng khách đến chùa Hương trong ngày khai hội (6 tháng Giêng năm 2010) tăng đột biến với khoảng 6 vạn lượt khách; Chợ Viêng ngày 7 Tết Canh Dần 2010 thu hút 90.000 khách thập phương tham dự, trong 10 ngày diễn ra lễ hội đền Hùng năm 2010 đã có xấp xỉ 3 triệu lượt người tham dự.

### **3. Lễ hội dân gian gắn với phát triển lễ hội du lịch**

Tiêu biểu cho xu hướng này là những lễ hội văn hóa du lịch được tổ chức ở khắp nơi trong cả nước, nhưng chủ yếu tại các khu

vực đô thị đông đúc với mục đích quảng bá du lịch, thu hút khách du lịch. Trong các lễ hội như vậy, yếu tố tín ngưỡng, tâm linh, những sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc sắc vốn có trong lễ hội dân gian được thể hiện tối đa cho mục đích quảng bá hình ảnh và giới thiệu những nét đặc trưng văn hóa vùng, miền.

Không khác nhiều với sự sôi nổi của lễ hội nói chung, lễ hội văn hóa du lịch trong khoảng hơn chục năm qua phát triển nở rộ, tỉnh thành nào cũng tìm chọn cho mình những lễ hội tiêu biểu, những đặc trưng văn hóa tín ngưỡng đặc sắc để kết hợp với những hoạt động du lịch hình thành nên những lễ hội văn hóa du lịch - những lễ hội mới. Ví dụ, Festival Huế, Lễ hội pháo hoa Đà Nẵng, Lễ hội hoa Đà Lạt, Lễ hội du lịch Hạ Long, Festival Tây Sơn - Bình Định, Lễ hội Huyền thoại sông Thu Bồn, Ngày hội văn hóa du lịch đồng bằng sông Hồng... là những thể hiện thành công của xu hướng hình thành lễ hội mới trên cơ sở của các lễ hội dân gian gắn với việc quảng bá du lịch. Những lễ hội mới như vậy đã rất thành công trong việc hình thành thương hiệu cho các thành phố du lịch gắn với lễ hội, ví như: Thành phố lễ hội về cội nguồn (Việt Trì), Thành phố Festival (Huế), Thành phố của những cánh diều (Vũng Tàu) (vì có hội thi thả diều ở Vũng Tàu)...

### **4. Đẩy mạnh giao lưu quốc tế trong lễ hội dân gian**

Trong thập kỷ qua, cùng với sự mở rộng giao lưu quốc tế trên nhiều lĩnh vực, lễ hội dân gian đã từng bước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Với số lượng 3,2 triệu kiều bào Việt Nam đang sinh sống ở nước

ngoài, lễ hội của Việt Nam đã được người nước ngoài biết đến khá nhiều, nhất là ở các quốc gia có đông cộng đồng người Việt sinh sống như ở Mỹ, Pháp, Đức, Nga... Người Việt ở nước ngoài đã thực sự có một đời sống tín ngưỡng phong phú, mang đậm bản sắc Việt và đời sống tín ngưỡng đó có sự gắn kết chặt chẽ với đời sống tín ngưỡng trong nước. Hàng loạt những ngôi chùa, đền, phủ, điện thờ tư gia... được xây dựng trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài với sự hỗ trợ đắc lực về kiến trúc, điêu khắc, đồ thờ tự... từ Việt Nam và sau khi khánh thành thì hoạt động tín ngưỡng ở những nơi đó cũng thường xuyên có sự nối kết trực tiếp và thường xuyên với hoạt động tín ngưỡng trong nước. Có thể nói sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt ở nước ngoài thường xuyên có sự gắn kết với hoạt động tín ngưỡng trong nước như sự kiện hành hương của nhiều đoàn Việt kiều về nước dự lễ giỗ tổ Hùng Vương, tham gia lễ hội Yên Tử, lễ hội chùa Hương và dự nhiều sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng khác như xin lộc vay lộc đền Bà Chúa Kho (Bắc Ninh) hay nhóm ông đồng bà đồng ở California (Hoa Kỳ) về Kinh Bắc làm lễ mở phủ...[8].

Trong chủ trương chung của nhà nước về việc đẩy mạnh công tác ngoại giao văn hoá và phát triển du lịch qua biên giới, các hoạt động giao lưu văn hoá thông qua các lễ hội được đẩy mạnh. Có thể kể tới hàng loạt những sinh hoạt lễ hội như vậy ở nước ngoài: năm 2008 với Những ngày văn hóa Việt Nam tại Liên bang Nga, Hà Lan, Nhật Bản, Campuchia, Ngày Quốc gia Việt Nam tại Tây Ban Nha...; năm 2009 với Tuần Việt Nam tại Nga, Anh, Lào, Nam Phi, Venezuela, Brazil, Malaysia, lễ hội du lịch biển Việt Nam tại Paris...; năm 2010 với Tuần văn hóa Việt Nam tại Cộng hoà liên

bang Đức, Bỉ, 3 ngày lễ hội Du lịch Việt Nam tại Pháp...; năm 2015 với tuần văn hóa Việt Nam ở Ý, năm 2016 với tuần văn hóa Việt Nam tại Argentina, tại Thượng Hải (Trung Quốc)... Trong những hoạt động văn hoá đó, lễ hội là hình thức thể hiện chính, nhiều nét văn hoá của các lễ hội dân gian đặc sắc được trình diễn như đám rước trong lễ hội, các trò chơi trong lễ hội dân gian, lễ dâng hương...

Bên cạnh việc quảng bá, giới thiệu những hoạt động lễ hội Việt Nam ra nước ngoài thì những lễ hội dân gian tổ chức trong nước cũng thu hút sự tham gia đông đảo của các đoàn nghệ thuật, các nhà nghiên cứu cùng khách tham dự là người nước ngoài. Bằng rất nhiều những hoạt động như vậy, lễ hội dân gian của Việt Nam đã được biết đến ngày càng rộng rãi. Bên cạnh đó, một số lễ hội của nước ngoài cũng theo đó mà du nhập và dần trở nên quen thuộc với dân chúng Việt Nam, như: lễ Valentine, Giáng sinh, Halloween... Thông qua các hoạt động giao lưu quốc tế, lễ hội dân gian Việt Nam đã từng bước hội nhập nhanh chóng và sâu rộng với đời sống tín ngưỡng lễ hội trong khu vực và trên thế giới.

## 5. Thế tục hoá, nhà nước hoá lễ hội

Trong những năm gần đây, lễ hội dân gian ở khắp nơi thực sự phát triển nở rộ. Từ những lễ hội của làng đến những lễ hội vùng và quốc gia, từ những tín ngưỡng dân gian thờ đá, thờ cây ở các miếu, các gốc cây thiêng... đến những tín ngưỡng được thực hành trong các cơ sở thờ tự kháng trang như đình, đền, phủ đều phát triển mạnh mẽ. Không có lễ hội nào được xem là hơn lễ hội

nào (về mặt niềm tin) mà tất cả các lễ hội đều có chỗ đứng trong đời sống tâm linh người dân, đều phát triển mà không loại trừ nhau, không cạnh tranh hay mâu thuẫn nhau. Tất cả tạo nên sự đa dạng cho bức tranh lễ hội dân gian hiện nay.

Xu hướng thể tục hoá lễ hội dân gian ngày càng thể hiện rõ ở quan niệm về lễ hội và cả ở cách thức thực hành chúng. Các nghi lễ được người dân hiểu và thực hành trong sự gắn kết với các nhu cầu thiết thực trong cuộc sống hàng ngày của họ. Nhiều người dân đi lễ hội không phải vì để khấn vị thần được tôn thờ, hoặc không biết lễ hội đó tôn vinh vị thần nào, họ cứ đi và được hòa vào không khí tâm linh, như vậy đã là đủ. Đó là chưa kể nhiều người dân đi lễ hội không vì mục đích đi lễ mà chỉ là đi chơi, lấy lễ hội làm không gian gặp gỡ, tụ họp... Nhiều người rõ ràng mục đích là đi lễ nhưng không hiểu biết về trình tự nghi lễ, lễ vật... và họ cứ làm theo cách mà họ nghĩ là hợp lý là được. Họ có thể dâng cúng bất cứ lễ vật gì, từ thực phẩm, thức ăn, đồ dùng, đồ trang điểm... Lễ vật là tiền ngày càng trở nên phổ biến. Họ cũng có thể kêu cầu thần thánh bất cứ điều gì mà họ cảm thấy cần thiết cho cuộc sống của họ. Họ không quan tâm ở ban thờ nào hay với vị thần nào thì cầu cái gì mà luôn cầu những điều mà họ cần. Chúng tôi đã cùng một số người từ Hà Nội đi lễ ở đền Bà Chúa Kho (Cổ Mễ, Bắc Ninh) và được nghe họ cầu xin Bà Chúa Kho rất nhiều thứ mà không chỉ là vay tiền làm ăn hay xin lộc rơi lộc vãi của Bà, họ cầu cho việc xây nhà lần ban công ra ngõ không bị hàng xóm kiện, không bị thanh tra xây dựng hỏi thăm, họ cầu cho chồng cắt đứt được với cô bồ ở công sở, cầu cho con gái đi học nước ngoài kiếm được tám chồng tốt nơi đất khách, cầu cho gia cầm họ nuôi

không bị dịch bệnh... Tất cả những điều đó đều được chấp nhận và thực hành trong sự hồn nhiên của yếu tố niềm tin trong xu thế chung, đó là kéo thần thánh, Phật, Mẫu về gần với cuộc sống đời thường để phục vụ cho những nhu cầu cũng hết sức đời thường của dân chúng.

Có thể thấy lễ hội hiện nay đang theo xu hướng nhà nước hóa một cách rõ rệt, từ cách gọi tên. Những hoạt động mới, những festival, hội chợ du lịch, những buổi tụ họp lớn, lễ kỷ niệm... đều được gọi là lễ hội và vì vậy có sự không rạch ròi giữa lễ hội dân gian và những lễ hội mới mang tính phong trào, quảng bá du lịch, bán hàng kiểu hội chợ... Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính những lễ hội mới được tổ chức nhiều khi tràn lan, lãng phí, mang tính hô hào, gượng ép đã ảnh hưởng không tốt tới lễ hội dân gian. Không ít lễ hội dân gian cũng đã theo xu hướng nhà nước hóa và mất dần giá trị truyền thống vốn có. Ví như những sự lạm dụng kịch bản trong lễ hội, sự ganh đua danh tiếng, sự can thiệp quá sâu của chính quyền và những định hướng, chỉ đạo, hướng lễ hội nghiêng về những mục đích tuyên truyền... đã khiến cho nhiều lễ hội phai nhạt màu sắc dân gian và giảm sút quyền chủ động của người dân trong vai trò là chủ thể của lễ hội.

Nhà nước hóa lễ hội cũng thể hiện qua việc phân cấp lễ hội. Xu hướng này thể hiện rõ nhất khi nhà nước công nhận và nâng cấp 15 lễ hội thành lễ hội quốc gia, trong đó lễ giỗ tổ Hùng Vương trở thành quốc lễ. Theo thống kê của Cục Văn hoá cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: “cả nước có 1417 di tích thờ vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại Hùng Vương. Bộ cũng đã ban hành văn bản hướng dẫn nghi thức tưởng niệm các vua Hùng. Lễ giỗ Tổ Hùng

Vương vào năm chẵn sẽ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, còn vào các năm lẻ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đứng ra tổ chức” [24]. Những lễ hội cấp quốc gia thường xuyên có sự tham gia và sự chỉ đạo chặt chẽ của các vị lãnh đạo nhà nước về cách thức tổ chức, khách mời và cả những hoạt động trong lễ hội.

Gắn các hoạt động của lễ hội dân gian với những ngày kỷ niệm lớn, những sự kiện văn hóa, chính trị tiêu biểu cũng là một hình thức nhà nước hóa lễ hội. Ví như, các lễ hội được tổ chức trong năm 2009, 2010, nhất là ở Hà Nội, đều được gắn với việc hướng tới ngày Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, hay trong các diễn văn khai mạc hay kết thúc lễ hội thường gửi gắm những thông điệp chính trị để giáo dục, tuyên truyền hay đơn thuần chỉ là đưa đến cho dân chúng những thông tin mà theo những nhà chức trách là quan trọng và cần thiết. Nếu như trước đây, nói tới lễ hội dân gian là nói tới hội làng, những tín ngưỡng dân gian ở làng phần lớn phụ thuộc vào sự lựa chọn của dân, sự can thiệp của nhà nước không phải không có nhưng thường là khá mờ nhạt, thì hiện nay vai trò của nhà nước trong các sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội là rất đậm nét. Và xu hướng nhà nước hóa lễ hội dân gian theo đó mà rất rõ rệt trong giai đoạn hiện nay.

## **6. Chú trọng đặc biệt việc trùng tu, tôn tạo và xây mới các di tích phục vụ lễ hội dân gian**

Có lẽ chưa có giai đoạn nào việc trùng tu, tôn tạo và xây mới các di tích lại nhiều và được đầu tư lớn như hiện nay. Điều đó một phần thể hiện sự phục hưng mạnh mẽ tín

ngưỡng, lễ hội, nhưng phần khác cũng chứng tỏ quá trình xã hội hoá của các hoạt động này và sự quan tâm đến tín ngưỡng, lễ hội ngày càng nhiều của cả nhà nước và dân chúng hiện nay.

Hiện nay việc trùng tu, tôn tạo và xây mới các di tích đã trở thành hoạt động thường xuyên và liên tục từ những ngôi đình, chùa, đền, miếu, phủ... ở các vùng quê xa xôi cho đến các di tích ở đô thị. Có thể dẫn chứng ra rất nhiều di tích được trùng tu, tôn tạo lớn ở khắp nơi trong hơn thập kỷ qua. Chỉ trong năm 2005, Hà Nội đầu tư tu bổ, tôn tạo 117 di tích với tổng kinh phí 80,476 tỉ đồng [3]; Huế tiến hành bảo quản và trùng tu 60 di tích trong hệ thống di tích cố đô với tổng kinh phí 99.196 tỉ đồng [2]; Hải Dương tôn tạo lớn đền thờ Khúc Thừa Dụ với số vốn đầu tư trên 18 tỉ đồng [5]; năm 2007, Hà Tây khởi công tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Phiêu thờ Tản Viên Sơn Thánh (Ba Vì) với tổng kinh phí gần 7 tỷ đồng; từ năm 2007 đến năm 2009, Tp. Hồ Chí Minh có 13 di tích và một số dự án được tu bổ, tôn tạo hoặc đang trình các ngành chức năng thông qua, với tổng mức đầu tư 108,9687 tỷ đồng [4]. Theo số liệu từ Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế, Huế đã trùng tu lớn các di tích vào năm 2015 với mức đầu tư 150 tỷ đồng để trùng tu 22 di tích lăng tẩm.

Bên cạnh sự chú trọng đặc biệt việc trùng tu, tôn tạo các di tích, khá nhiều các cơ sở tín ngưỡng được xây mới từ nguồn kinh phí của nhà nước và của tư nhân. Ví như: xây mới đền thờ Lạc Long Quân trong khu di tích đền Hùng, tỉnh Phú Thọ năm 2006-2008; xây mới đền thờ Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu) cuối năm 2008; xây mới chùa Bái Đính từ năm 2003-2010; xây mới chùa Linh Ứng (Đà Nẵng) năm 2004-2010;

xây mới chùa Ba Vàng (Quảng Ninh) năm 2011-2014...

Dân chúng hiện nay có nhiều lựa chọn cho việc thực hành văn hóa lễ hội của mình, họ có thể dự lễ hội ở các cơ sở tín ngưỡng cộng đồng, cũng có thể đi lễ ở các điện thờ tư gia, có thể đi lễ hội ở các vùng quê, cũng có thể tham dự lễ hội dân gian ở ngay các đô thị và vì vậy tín ngưỡng, lễ hội dân gian hiện nay có được sự gắn bó hơn với cuộc sống đời thường của dân chúng.

### **7. Sự đa dạng và phức tạp trong hoạt động lễ hội dân gian**

Chính trong sự phát triển mở rộng trong khoảng hai thập kỷ qua, lễ hội dân gian hiện nay xuất hiện nhiều vấn đề đa dạng và phức tạp, xét trên nhiều phương diện (quản lý nhà nước, sự ổn định xã hội, sự thay đổi của việc thực hành các nghi lễ, sự bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống...). Ngay cả sự bàn luận về các hiện tượng tín ngưỡng trong các lễ hội dân gian từ những góc nhìn khác nhau, những cách tiếp cận khác nhau cũng đã tạo nên sự phức tạp cho rất nhiều diễn đàn nghiên cứu và quản lý lễ hội dân gian.

Thời gian qua, chúng ta chứng kiến sự trỗi dậy nhanh và mạnh mẽ của các lễ hội dân gian và sự xuất hiện của cả các lễ hội mới. Cũng chính sự sôi nổi của đa dạng các loại hình, cấp độ lễ hội đó đã tạo nên nhiều sự phức tạp cho xã hội. Trước hết là sự kết hợp nhiều khi vụng về, chấp vá vội vàng các yếu tố của lễ hội dân gian trong các lễ hội mới và sự xuất hiện không hợp lý của các yếu tố mới trong lễ hội dân gian. Các lễ hội mới cố gắng khai thác nhiều nhất các yếu tố dân gian nhưng những yếu tố dân

gian đó lại được sân khấu hóa nhiều khi không đúng với truyền thống dân gian và khó được người dân chấp nhận. Các lễ hội mới luôn cố gắng khai thác các yếu tố văn hóa truyền thống và đưa lên hàng “kỷ lục”. Ví dụ như: cặp bánh chưng bánh dày lớn nhất gần 4 tấn (Giỗ tổ Hùng Vương 2007), dàn nhạc dân tộc có số lượng nhạc công đông nhất và nồi nấu nước phở lớn nhất (festival biển Nha Trang 2009), Rồng gốm dài nhất và tà áo dài dài nhất (lễ hội làng nghề phố nghề Thăng Long 2010), Dàn trống đồng phục vụ đại hợp xướng “Nổi trống Lạc Hồng - Hào khí Thăng Long” nhiều nhất (lễ hội mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long, Hà Nội 2010), nhiều người cùng hát quan họ nhất (Hội Lim năm 2012)... Song những hoạt động đó đã xảy ra những sự cố rất đáng tiếc như bánh chưng thiu, bánh dày làm bằng xốp... Một số lễ hội dân gian thì đưa các yếu tố mới vào không ăn nhập. Ví dụ như, lễ hội đền Lảnh Giang (Hà Nam) được làm mới bằng việc đưa nghệ thuật đương đại vào diễn trình nghi lễ hầu thánh (video art, nghệ thuật trình diễn, âm nhạc...), hay ở nhiều lễ hội đám rước truyền thống thay đổi rất nhiều, quần áo tế lễ tùy tiện, đặt kiệu thánh lên ô tô để rước, mời nhiều đoàn ca múa nhạc về trình diễn không hợp lý với không khí dân gian của lễ hội...

Lễ hội được mở ra khắp nơi, nơi này nhìn nơi kia tạo ra những sự ganh đua rõ rệt, nhất là từ khi Nhà nước có sự phân cấp lễ hội. Các địa phương đua nhau xin nâng cấp vì muốn lễ hội của mình phải ngang hàng hoặc hơn các lễ hội khác, và đây đó vẫn còn những lễ hội muốn xin nâng cấp vì sẽ được nhiều kinh phí hơn để tổ chức lễ hội to đẹp hơn. Sự ganh đua gây ra lãng phí và cả sự không đoàn kết trong cộng đồng

đang có nguy cơ khiến cho lễ hội bị sa đà vào xu hướng hình thức, đề cao sự thể hiện của những nhóm giàu, mà không còn là ngày hội của dân gian, dân chúng nữa.

Lễ hội càng tổ chức lớn, càng tập nập thì sự ảnh hưởng đến môi trường cũng càng nghiêm trọng. Một vấn đề gây bức xúc tại hầu hết các lễ hội là chuyện rác thải. Rác thải đã đe dọa nghiêm trọng đến cảnh quan môi trường, làm ô nhiễm chôn tâm linh. Lễ hội Chùa Hương đông đúc với hàng vạn lượt khách mỗi ngày và đi cùng với số lượng người đi hội đó là hàng trăm tấn rác xả ra môi trường, thậm chí ngay trên dòng suối Yên thơ mộng. Lễ hội Yên Tử hay lễ hội Lim cũng đều trong tình trạng tương tự, rác vứt bừa bãi khắp đường và mỗi buổi chiều khi tan hội thì cả đồi Lim trở thành đồi rác đủ các màu sắc. Ngoài ra, vấn đề thiếu nước sạch, thiếu nơi vệ sinh đảm bảo cho khách, thiếu ý thức giữ vệ sinh của người đi hội cũng làm trầm trọng thêm vấn đề ô nhiễm môi trường tại các lễ hội.

Tình trạng quá tải giao thông vào các ngày lễ hội đã trở thành hiện tượng phổ biến, nhất là ở các lễ hội lớn và các lễ hội tổ chức trong khu vực đô thị. Ví như ở khu vực phía Bắc, lễ khai ấn đền Trần năm nào cũng gây tắc nghẽn giao thông trên đoạn đường cách đền khoảng vài kilômét, lễ hội Bà Chúa Kho, hội Gióng, hội Phủ Giày cũng tương tự như vậy. Các lễ hội tổ chức ngay trong phố càng khiến tình hình giao thông trở nên phức tạp như lễ hội đền thờ Hai Bà Trưng, lễ hội phủ Tây Hồ...

Các dịch vụ “ăn theo” lễ hội cũng luôn tồn tại những sự phức tạp rất cần được quản lý. Ví như nạn quá tải các dịch vụ, dựa vào lễ hội đông người để ăn chặn, chèn ép khách, hiện tượng tranh giành khách, cò mồi, dịch vụ lấn át hoạt động hội, giá cả ăn

uống, thu lệ phí chưa hợp lý... xảy ra thường xuyên trong các lễ hội. Các dãy hàng quán bày bán tràn lan, cảnh tượng ăn uống tập nập ngay trong khuôn viên di tích và nơi diễn ra lễ hội trở nên phổ biến, các hoạt động quảng cáo, trưng bày, bán hàng nhiều khi lấn át cả các hoạt động chính của lễ hội. Hiện tượng cờ bạc dưới nhiều hình thức khác nhau xuất hiện ngày càng nhiều trong các lễ hội, tình trạng bán vé và thu các loại phí dịch vụ quá nhiều, quá công khai đã làm mất đi nét đẹp của lễ hội, làm giảm niềm vui khi đi hội của du khách.

Ngoài ra, sự tập nập của các lễ hội hiện nay còn kéo theo rất nhiều tồn tại khác làm ảnh hưởng tới nét đẹp của lễ hội truyền thống như: nạn ăn mày ăn xin, trộm cắp móc túi, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm và các hoạt động xem bói, xem tử vi, xem tay, bán các sách tử vi, bói toán...

Một vấn đề gây nên nhiều bàn luận và mâu thuẫn là việc trùng tu các di tích được thực hiện tùy tiện làm mất đi giá trị vốn có của những không gian tâm linh. Ví như, ở khu di tích cố đô Huế, nhiều bức vẽ mới, nhiều mảng điêu khắc, nhiều bức tường được làm trong sự non kém về tay nghề khiến cho việc tôn tạo di tích trở thành việc làm giảm giá trị của các di tích cung đình. Ở nhiều di tích khác, tình trạng sơn tượng mới lờ lợt, thay cột gỗ bằng cột xi măng, những bức chạm khắc cổ nhuộm màu thời gian được thay bằng những bức chạm mới...

Sự phức tạp trong đời sống lễ hội dân gian hiện nay còn thể hiện ở sự khó phân biệt rạch ròi giữa tín ngưỡng và mê tín; điều đó dẫn đến những biện pháp quản lý cứng nhắc đối với hoạt động tâm linh. Hiện tượng lên đồng, gọi hồn, xóc thẻ, đốt vàng mã... có phải là mê tín hay không và có được phép hoạt động công khai hay không?



Lễ hội đâm trâu có nên được tiếp tục? Quản lý các điện thờ tư gia thế nào? Những sự bàn luận xung quanh các vấn đề này đã gia tăng tính phức tạp cho đời sống lễ hội dân gian hiện nay. Xã hội phát triển mở rộng theo hướng đa dạng, lễ hội cũng phát triển đa dạng và đương nhiên tính phức tạp của lễ hội cũng nằm trong xu hướng phát triển đó. Ứng xử với sự phức tạp đó thế nào và khắc phục những tồn tại của chúng ra sao là cả một câu chuyện dài mà các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, và cả những người dân đều cần hiểu rõ về nó trước khi có những kết luận và hành động vội vàng, áp đặt.

## 8. Kết luận

Có thể còn có nhiều đặc trưng khác song trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi bàn đến một số đặc trưng cơ bản để khẳng định rằng lễ hội dân gian hiện nay đã rất khác lễ hội dân gian trong quá khứ như chúng ta đã biết. Thái độ ứng xử của chính quyền, của các tổ chức đoàn thể trước đời sống tín ngưỡng và các sinh hoạt cộng đồng trong lễ hội dân gian ngày càng diễn biến phức tạp, khi thì gay gắt, cấm đoán, phê phán, khi thì lại buông lỏng, thả nổi, khi thì dè dặt; điều đó đã ảnh hưởng không ít đến lễ hội dân gian nói riêng và văn hoá nói chung. Nhận thức về lễ hội dân gian của những đối tượng khác nhau trong xã hội cũng đưa đến nhiều sự mâu thuẫn và có ảnh hưởng ít nhiều đến sự ổn định xã hội. Sự quá đà, lợi dụng lễ hội để trục lợi, để gây ảnh hưởng chính trị cũng không phải là không có; điều đó khiến cho lễ hội dân gian hiện nay ngày càng trở nên phức tạp. Có thể nói, đời sống tín ngưỡng và lễ hội dân gian trong xã hội đương đại đầy ắp những biến động theo xu

hướng đa dạng, đa chiều, đa nhận thức và sự phức tạp ngày càng gia tăng. Việc nhận diện đúng những hiện tượng đó là cơ sở khoa học cho những luận bàn, những nhìn nhận hay chính sách hợp lý hơn về chúng.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Toan Ánh (1992), *Nếp cũ - hội hè đình đám*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Báo *Hà Nội mới* (2003), ngày 10/3.
- [3] Báo *Nhân Dân* (2006), số 1843, ngày 22/1.
- [4] Báo *Phụ Nữ Việt Nam* (2007), số 145, ngày 3/12.
- [5] Báo *Văn hóa Chủ Nhật* (2005), số 1129, ngày 9-12/9.
- [6] Phan Kế Bính (2004), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Nguyễn Thị Phương Châm (2008), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay (trường hợp làng Đông Kỳ, Trang Liệt, Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Hiền (2008), “Lên đồng xuyên quốc gia: những thay đổi trong thực hành nghi lễ lên đạo Mẫu ở California và vùng Kinh Bắc”, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [9] Đinh Gia Khánh (1989), *Trên đường tìm hiểu văn hoá dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Đinh Gia Khánh (1993), “Hội lễ dân gian truyền thống trong thời hiện đại”, *Tạp chí Văn hoá dân gian*, số 2.
- [11] Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (Chủ biên) (1994), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Lê Hồng Lý (2005), *Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: Lễ hội tín ngưỡng*

- trong kinh tế thị trường*, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
- [13] Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [14] Nhiều tác giả (1994), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [15] Nguyễn Đức Thìn (2007), *Di tích lịch sử văn hóa đền Đô*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [16] Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [18] Phòng Nghiên cứu nghệ thuật (2005), *Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Viện: Thực trạng trùng tu, tôn tạo các di tích tôn giáo tín ngưỡng ở một số tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng*, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
- [19] Lê Trung Vũ (Chủ biên) (1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [20] Hobsbawn, Eric và Ranger, Terence (2000), *Invention of Traditions*, Cambridge University Press.
- [21] Inglehart, Ronald và Wayne E. Baker (2000), "Modernization, Cultural Change and Persistence of Traditional Values", *American Sociological Review*, Vol. 65, No.1.
- [22] <http://vietbao.vn/Kham-pha-Viet-Nam/Tung-bung-le-hoi-truyen-thong-co-do-Hoa-Lu/75179300/146/>
- [23] [http://tintuc.xalo.vn/001529549934/ca\\_nuoc\\_nao\\_nuc\\_hoi\\_xuan.html?id=c1352&o=4075](http://tintuc.xalo.vn/001529549934/ca_nuoc_nao_nuc_hoi_xuan.html?id=c1352&o=4075)
- [24] <http://thitruongvietnam.com.vn/gpmaster.gp-media.thi-truong-viet-nam.gplist.49.gpopen.26710.gpside.1.to-chuc-le-hoi-den-hung-2010-quy-mo-cap-quoc-gia.asmx>